Chi tiết mã HS 8407

Mã HS	8407
Mô tả hàng hóa	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện
Đơn vị	
Thời điểm tạo	30/10/2026 18:03:43
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/8407/

29 dòng thuế thuộc 8407

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8407.10.00	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ phương tiện bay	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.21.10	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ máy thủy: / - - Động cơ gắn ngoài: / - - - Công suất không quá 22,38 kW	chiếc	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.21.90	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ máy thủy: / - - Động cơ gắn ngoài: / - - - Loại khác	chiếc	10,5%	7%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.29.20	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ máy thủy: / - - Loại khác: / - - - Công suất không quá 22,38 kW	chiếc	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.29.90	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ máy thủy: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	chiếc	10,5%	7%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8407.31.00	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh không quá 50 cc	chiếc	75%	50%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.32.11	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 50 cc nhưng không quá 250 cc: / - - - Dung tích xilanh trên 50 cc nhưng không quá 110 cc: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.01	chiếc	45%	30%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.32.12	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 50 cc nhưng không quá 250 cc: / - - - Dung tích xilanh trên 50 cc nhưng không quá 110 cc: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.11	chiếc	67,5%	45%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.32.19	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 50 cc nhưng không quá 250 cc: / - - - Dung tích xilanh trên 50 cc nhưng không quá 110 cc: / - - - - Loại khác	chiếc	45%	30%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.32.22	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 50 cc nhưng không quá 250 cc: / - - - Dung tích xilanh trên 110 cc nhưng không quá 250 cc: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.11	chiếc	67,5%	45%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.32.29	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 50 cc nhưng không quá 250 cc: / - - - Dung tích xilanh trên 110 cc nhưng không quá 250 cc: / - - - - Loại khác	chiếc	45%	30%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.33.10	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 250 cc nhưng không quá 1.000 cc: / - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.01	chiếc	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.33.20	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 250 cc nhưng không quá 1.000 cc: / - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.11	chiếc	48%	32%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.33.90	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 250 cc nhưng không quá 1.000 cc: / - - - Loại khác	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8407.34.40	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 1.000 cc: / - - - Đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - Dùng cho máy kéo cầm tay, dung tích xi lanh không quá 1.100 cc	chiếc	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.34.50	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 1.000 cc: / - - - Đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - Dùng cho xe khác thuộc nhóm 87.01	chiếc	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.34.60	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 1.000 cc: / - - - Đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.11	chiếc	48%	32%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.34.71	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 1.000 cc: / - - - Đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - Loại khác: / - - - - - Dung tích xi lanh không quá 2.000 cc	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.34.72	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 1.000 cc: / - - - Đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - Loại khác: / - - - - - Dung tích xi lanh trên 2.000 cc nhưng không quá 3.000 cc	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.34.73	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 1.000 cc: / - - - Đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - Loại khác: / - - - - - Dung tích xi lanh trên 3.000 cc	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.34.91	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 1.000 cc: / - - - Loại khác: / - - - - Dùng cho máy kéo cầm tay, dung tích xi lanh không quá 1.100 cc	chiếc	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.34.92	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 1.000 cc: / - - - Loại khác: / - - - - Dùng cho xe khác thuộc nhóm 87.01	chiếc	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.34.93	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 1.000 cc: / - - - Loại khác: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.11	chiếc	48%	32%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.34.94	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 1.000 cc: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác: / - - - - - Dung tích xi lanh không quá 2.000 cc	chiếc	27%	18%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8407.34.95	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 1.000 cc: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác: / - - - - - Dung tích xi lanh trên 2.000 cc nhưng không quá 3.000 cc	chiếc	27%	18%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.34.99	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Dung tích xi lanh trên 1.000 cc: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác: / - - - - - Dung tích xi lanh trên 3.000 cc	chiếc	27%	18%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.90.10	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ khác: / - - Công suất không quá 18,65 kW	chiếc	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.90.20	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ khác: / - - Công suất trên 18,65 kW nhưng không quá 22,38 kW	chiếc	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
8407.90.90	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ khác: / - - Loại khác	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.